

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS- ST

Ngày: 25/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Trần Thanh S, sinh năm 1990; vắng mặt.

2. Chị Ngô Thanh T, sinh năm 1989; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 28/12/2018 (âm lịch) anh T có bán tôm càng xanh cho anh Trần Thanh S số lượng 341 kg tôm với giá 130.000 đồng/kg, tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Sau đó, anh S có trả cho anh T 10.000.000 đồng và viết cam kết ngày 01/01/2019 (âm lịch) sẽ trả 35.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, đến nay anh S không trả như đã cam kết.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh S, chị T trả số tiền là 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai, bị đơn chị Ngô Thanh T trình bày: Chị và anh Trần Thanh S là vợ chồng, mặc dù chưa ly hôn nhưng anh S đã bỏ nhà đi mấy năm nay. Việc anh S mua tôm của anh T và có nợ tiền như anh T yêu cầu, chị không hay biết vì anh S không đem tôm về nhà, khi mua cũng không bàn bạc với chị. Nay anh T yêu cầu vợ chồng cùng trả số nợ, chị không đồng ý.

Bị đơn anh Trần Thanh S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Anh S và anh T có giao kết hợp đồng mua bán tôm, anh S có viết Giấy cam kết còn nợ anh T 35.000.000 đồng và được chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

Tại phiên tòa, anh T xin rút yêu cầu đòi tiền mua bán tôm đối với chị T, chỉ yêu cầu anh S trả. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu của anh S đối với chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh T yêu cầu anh S trả số tiền 35.000.000 đồng từ hợp đồng mua bán tôm. Anh T có đưa ra chứng cứ để chứng minh là giấy cam kết, có chữ ký anh Trần Thanh S đồng thời có xác nhận của ông Trần Văn Dũng, công tác là trưởng ấp N, xã V xác nhận. Nội dung cam kết: “*Tôi tên Trần Thanh S có mua tôm của chủ Nguyễn Văn T còn nợ 35.000.000 đồng. Trần Thanh S còn nợ 35.000.000 đồng. Trong ngày mai là ngày 01 Tết tức ngày 01/01/2019 (âm lịch) 5 giờ không hoàn trả đủ, Trần Thanh S chịu mọi hành vi trước pháp luật. Người cam kết (ký tên và ghi Trần Thanh S)*”. Qua xác minh người trực tiếp xác nhận ông Trần Văn D trình bày : “*Ông S có mua tôm của ông T và có nợ tiền ông T, sau đó ông S có làm tờ cam kết với*

nội dung nêu trên là sự thật”. Từ đó, có cơ sở khẳng định việc anh S có mua tôm và còn nợ anh T số tiền là 35.000.000 đồng.

[3] Xét thấy: Anh S có giao kết hợp đồng mua bán với anh T và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, anh T khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh S có nghĩa vụ trả số tiền là 35.000.000 đồng.

[4] Do anh T không yêu cầu đối với nghĩa vụ chậm trả của anh S nên không xem xét.

[5] *Về án phí DSST*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh S phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là $35.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.750.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 875.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T theo biên lai thu tạm ứng số 0000056 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” với anh Trần Thanh S.

Buộc anh Trần Thanh S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S không trả số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2- Đình chỉ xét xử yêu cầu trả số tiền 35.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T đối với chị Ngô Thanh T.

3- Về án phí sơ thẩm: Anh S phải chịu án phí là 1.750.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 875.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T theo biên lai thu tạm ứng số 0000056 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm